

Số: 19/KH-ĐGS

Cà Mau, ngày 10 tháng 8 năm 2026

KẾ HOẠCH

Giám sát của Ban Kinh tế - Ngân sách tỉnh về “việc thực hiện Nghị quyết số 68-NQ/TW của Bộ Chính trị và các cơ chế, chính sách hỗ trợ, thúc đẩy phát triển kinh tế tư nhân trên địa bàn tỉnh Cà Mau”

Thực hiện Quyết định số 25/QĐ-BKTNS ngày 10 tháng 8 năm 2026 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh về thành lập Đoàn giám sát của Ban Kinh tế - Ngân sách tỉnh về “việc thực hiện Nghị quyết số 68-NQ/TW của Bộ Chính trị và các cơ chế, chính sách hỗ trợ, thúc đẩy phát triển kinh tế tư nhân trên địa bàn tỉnh Cà Mau”, cụ thể như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

Nắm tình hình triển khai thực hiện các chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và các cơ chế, chính sách của tỉnh về hỗ trợ, thúc đẩy phát triển kinh tế tư nhân trên địa bàn tỉnh Cà Mau giai đoạn 2023 - 2026. Qua đó, giám sát thực hiện theo quy định và rà soát để đề xuất sửa đổi, bổ sung, ban hành các cơ chế chính sách phù hợp với tình hình thực tế ở địa phương, tạo điều kiện thuận lợi để kinh tế tư nhân phát triển, góp phần thúc đẩy tăng trưởng kinh tế - xã hội của tỉnh trong thời gian tới.

2. Yêu cầu

- Thực hiện đúng quy định Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và Hội đồng nhân dân số 121/2025/QH15 và các văn bản hướng dẫn thi hành.
- Tổ chức thực hiện giám sát đảm bảo chất lượng, hiệu quả, đúng tiến độ và phù hợp với tình hình thực tế.
- Các cơ quan, đơn vị, tổ chức chịu giám sát báo cáo đầy đủ, chính xác, trung thực các nội dung theo yêu cầu của Đoàn giám sát; tạo điều kiện thuận lợi khi Đoàn đến giám sát, làm việc.
- Thành viên Đoàn giám sát nghiên cứu tài liệu liên quan đến nội dung giám sát, sắp xếp thời gian để tham gia đầy đủ các hoạt động của Đoàn theo kế hoạch đề ra và tích cực tham gia ý kiến trong quá trình giám sát.

II. PHẠM VI, NỘI DUNG VÀ ĐỐI TƯỢNG GIÁM SÁT

1. Phạm vi giám sát

Việc thực hiện nhiệm vụ của sở ngành và địa phương về hỗ trợ và thúc đẩy

phát triển kinh tế tư nhân trong triển khai thực hiện Nghị quyết số 68-NQ/TW của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế tư nhân; giám sát việc thực hiện và hoàn thiện các nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh liên quan đến cơ chế, chính sách hỗ trợ và thúc đẩy phát triển kinh tế tư nhân trên địa bàn tỉnh Cà Mau, giai đoạn 2023 - 2026.

2. Nội dung giám sát (trong giai đoạn từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2026)

a) Tình hình và kết quả thực hiện một số nhiệm vụ hỗ trợ và thúc đẩy phát triển kinh tế tư nhân trên địa bàn tỉnh Cà Mau theo Nghị quyết số 68-NQ/TW của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế tư nhân:

Về đẩy mạnh cải cách, hoàn thiện, nâng cao chất lượng thể chế, chính sách;

Tăng cường cơ hội tiếp cận đất đai, mặt bằng sản xuất kinh doanh cho kinh tế tư nhân; Đẩy mạnh và đa dạng hóa nguồn vốn cho kinh tế tư nhân;

Thúc đẩy khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số trong kinh tế tư nhân;

Hỗ trợ thực chất hiệu, quả doanh nghiệp nhỏ, siêu nhỏ và hộ kinh doanh.

b) Việc thực hiện và hoàn thiện cơ chế, chính sách hỗ trợ và thúc đẩy phát triển kinh tế tư nhân:

Kết quả thực hiện các nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh liên quan đến cơ chế, chính sách hỗ trợ và thúc đẩy phát triển kinh tế tư nhân trên địa bàn tỉnh Cà Mau;

c) Đánh giá những kết quả đạt được; làm rõ những tồn tại, hạn chế, bất cập trong quá trình triển khai thực hiện; xác định nguyên nhân khách quan, chủ quan và trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan; đánh giá những khó khăn, vướng mắc của doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh trong việc tiếp cận và thụ hưởng các cơ chế, chính sách hỗ trợ.

d) Đề xuất, kiến nghị giải pháp hoàn thiện cơ chế, chính sách; nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước; cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh; nâng cao hiệu quả tổ chức thực hiện các chính sách hỗ trợ và thúc đẩy phát triển kinh tế tư nhân trên địa bàn tỉnh trong thời gian tới.

(Có đề cương báo cáo kèm theo)

3. Đối tượng giám sát

- Ủy ban nhân dân tỉnh.
- Các sở, ban, ngành cấp tỉnh có liên quan.
- Ủy ban nhân dân các xã, phường.
- Một số doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh trên địa bàn tỉnh.

III. HÌNH THỨC, THỜI GIAN, ĐỊA ĐIỂM VÀ THÀNH PHẦN

1. Hình thức giám sát

a) *Giám sát gián tiếp*: Xem xét báo cáo (theo đề cương gửi kèm Kế hoạch này) của các cơ quan, đơn vị chịu giám sát, gồm:

- Ủy ban nhân dân tỉnh.
- Các sở, ngành: Tài chính, Công Thương, Xây dựng, Nông nghiệp và Môi trường, Khoa học và Công nghệ, Liên minh Hợp tác xã tỉnh, Thuế tỉnh, Ban Quản lý khu kinh tế.

- Ủy ban nhân dân các xã, phường.

b) Giám sát trực tiếp

- Sau khi xem xét, Đoàn giám sát sẽ chọn làm việc trực tiếp với một số các cơ quan, đơn vị nêu trên (sẽ có thông báo sau).

- Đoàn đi khảo sát, tìm hiểu thông tin việc thực hiện một số khu đất mời gọi đầu tư; khu đất thực hiện đấu thầu thực hiện dự án; hộ kinh doanh chuyển đổi thành doanh nghiệp; doanh nghiệp được tiếp cận, hưởng cơ chế chính sách (Đoàn phối hợp với cơ quan được giao quản lý chọn điểm khảo sát và có thông báo sau).

c) Trong quá trình giám sát, Đoàn giám sát có thể tổ chức khảo sát, gặp gỡ, trao đổi trực tiếp với doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh và các tổ chức đại diện cộng đồng doanh nghiệp để ghi nhận ý kiến, kiến nghị, đánh giá mức độ tiếp cận và hiệu quả thụ hưởng các cơ chế, chính sách hỗ trợ; bảo đảm kết quả giám sát khách quan, toàn diện, sát với thực tiễn.

2. Thời gian và địa điểm

Đoàn giám sát dự kiến tổ chức giám sát, khảo sát trong tháng 9 năm 2026 (***Lịch làm việc cụ thể sẽ thông báo sau***).

3. Thành phần

a) Thành phần Đoàn giám sát

- Theo Quyết định số 25/QĐ-BKTNS ngày 10/8/2026 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh.

b) Thành phần mời tham gia với Đoàn giám sát

- Đại diện Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh.
- Lãnh đạo Ban Văn hóa - Xã hội Hội đồng nhân dân tỉnh.
- Lãnh đạo Ban Pháp chế Hội đồng nhân dân tỉnh.
- Đại diện lãnh đạo Sở Tài chính.
- Lãnh đạo và chuyên viên Phòng Công tác Hội đồng nhân dân, Phòng Hành chính - Tổ chức - Quản trị thuộc Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh tham mưu, phục vụ Đoàn khảo sát.
- Báo và Phát thanh, Truyền hình Cà Mau dự và đưa tin.

c) Thành phần làm việc với Đoàn giám sát

- Thủ trưởng cơ quan, đơn vị, tổ chức được giám sát.
- Đại diện lãnh đạo các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan đến nội dung chuyên đề giám sát (do Thủ trưởng cơ quan, đơn vị, tổ chức bố trí, mời).

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Trưởng Đoàn giám sát

Chỉ đạo thực hiện việc giám sát theo nội dung Kế hoạch này; thông báo nội dung, thời gian, địa điểm, thành phần Đoàn giám sát đến cơ quan, đơn vị, tổ chức được giám sát biết, thực hiện đúng nội dung, kế hoạch đề ra. Phân công nhiệm vụ cụ thể từng thành viên và điều hòa phối hợp, đôn đốc cơ quan được giám sát trong việc tổ chức thực hiện.

2. Thành viên Đoàn giám sát

Tham gia đầy đủ các hoạt động của Đoàn giám sát, chủ động cập nhật, nghiên cứu báo cáo, văn bản, tài liệu có liên quan đến chuyên đề giám sát để có ý kiến đóng góp tại buổi làm việc; báo cáo nhận xét, đánh giá về nội dung giám sát và đóng góp cho báo cáo kết quả giám sát của Đoàn giám sát. Trường hợp thành viên Đoàn giám sát không tham gia được hoạt động của Đoàn giám sát, đề nghị báo cáo, xin ý kiến của Trưởng Đoàn giám sát (trước 01 ngày).

Thành viên Đoàn giám sát truy cập Trang Thông tin điện tử của Hội đồng nhân dân tỉnh, địa chỉ: **hdnd.camau.gov.vn** để khai thác, sử dụng tài liệu có liên quan phục vụ giám sát.

3. Đối với cơ quan, đơn vị, tổ chức được giám sát

- Chuẩn bị các điều kiện cần thiết để tiếp, làm việc với Đoàn giám sát; cung cấp thông tin, tài liệu có liên quan, bố trí thành phần và địa điểm làm việc với Đoàn giám sát theo kế hoạch; nội dung báo cáo theo đúng yêu cầu của kế hoạch, đảm bảo chất lượng;

- Ngoài báo cáo chính thức, trong quá trình giám sát, khi cần làm rõ các thông tin cần thiết, Đoàn giám sát sẽ yêu cầu các cơ quan, đơn vị, tổ chức được giám sát và có liên quan cung cấp thêm thông tin và gửi báo cáo bổ sung các vấn đề liên quan đến nội dung giám sát.

- Báo cáo của các cơ quan, đơn vị, tổ chức được giám sát gửi về Đoàn giám sát (qua Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh) **01 bản (bản chính)**; đồng thời, gửi 02 file (word, PDF) qua hộp thư điện tử: anh.ntn1409@gmail.com **chậm nhất ngày 03 tháng 9 năm 2026** để chuyển đến các thành viên Đoàn giám sát nghiên cứu.

4. Công tác chuẩn bị, phục vụ

Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan chuẩn bị các điều kiện cần thiết, kinh phí phục vụ Đoàn giám sát theo Kế hoạch này. Đăng tải tài liệu có liên quan đến nội dung giám sát trên Trang Thông tin điện tử Hội đồng nhân dân tỉnh, địa chỉ: **hdnd.camau.gov.vn** để các thành viên Đoàn giám sát truy cập, nghiên cứu.

* **Lưu ý:** Trong quá trình thực hiện Kế hoạch này, các cơ quan, đơn vị, tổ chức có vấn đề cần trao đổi, xin liên hệ ông **Trương Vũ Trường**, Phó Trưởng Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh, số điện thoại 0919.29.8488.

Trong quá trình thực hiện, căn cứ vào yêu cầu và tình hình thực tế, Trưởng Đoàn giám sát có thể điều chỉnh kế hoạch và thông báo đến cơ quan, đơn vị, tổ chức và cá nhân có liên quan để phối hợp thực hiện.

Đề nghị thành viên Đoàn giám sát, các cơ quan, đơn vị, tổ chức tham mưu, phục vụ và được giám sát căn cứ chức năng, nhiệm vụ triển khai, thực hiện tốt nội dung Kế hoạch này.

Kế hoạch này thay cho Giấy mời./.

Nơi nhận:

- Thường trực HĐND tỉnh;
- Như mục II, III;
- LĐVP Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Các phòng: CT. HĐND, HC-TC-QT;
- Lưu: VT, NA.

**TM. ĐOÀN GIÁM SÁT
TRƯỞNG ĐOÀN**



**TRƯỞNG BAN KINH TẾ - NGÂN SÁCH
Vũ Hồng Như Yến**



ĐỀ CƯƠNG BÁO CÁO

Giám sát việc thực hiện Nghị quyết số 68-NQ/TW của Bộ Chính trị và các cơ chế, chính sách hỗ trợ và thúc đẩy phát triển kinh tế tư nhân trên địa bàn tỉnh Cà Mau

(Kèm theo Kế hoạch số 19/KH-ĐGS ngày 10/8/2026 của Đoàn giám sát của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh)

Để phục vụ tốt cho nội dung giám sát, đề nghị các cơ quan, đơn vị, tổ chức **căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ được giao** (hoặc tình hình hoạt động của tổ chức) báo cáo tình hình thực hiện các cơ chế, chính sách hỗ trợ và thúc đẩy phát triển kinh tế tư nhân trên địa bàn tỉnh Cà Mau **giai đoạn từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2026** gửi Đoàn giám sát, với một số nội dung trọng tâm sau đây:

A. ĐỐI VỚI ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

I. Tổng quan thực trạng phát triển khu vực kinh tế tư nhân

- Khái quát tình hình phát triển khu vực kinh tế tư nhân trên địa bàn tỉnh trong giai đoạn 2023 - 2026; phân tích xu hướng phát triển qua từng năm; đánh giá mức độ đóng góp của khu vực kinh tế tư nhân đối với tăng trưởng kinh tế, tạo việc làm, thu ngân sách nhà nước, huy động nguồn lực xã hội và phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. Đồng thời, đánh giá cơ cấu quy mô doanh nghiệp (lớn, vừa, nhỏ, siêu nhỏ) và số lượng doanh nghiệp có vai trò dẫn dắt, tham gia chuỗi giá trị;

- Báo cáo các chỉ tiêu chủ yếu theo từng năm: Số doanh nghiệp thành lập mới; Số doanh nghiệp quay trở lại hoạt động; Số doanh nghiệp đang hoạt động đến ngày 30/6/2026; Số doanh nghiệp tạm ngừng hoạt động; Số doanh nghiệp giải thể. Tổng vốn đăng ký của doanh nghiệp thành lập mới và lũy kế đến ngày 30/6/2026;

Số hợp tác xã thành lập mới; Số hợp tác xã đang hoạt động đến ngày 30/6/2026; số hợp tác xã ngưng, nghỉ hoạt động, giải thể. Tổng vốn đăng ký của hợp tác xã thành lập mới và lũy kế đến ngày 30/6/2026;

Số hộ kinh doanh đang hoạt động. Lao động làm việc trong khu vực kinh tế tư nhân; thu ngân sách do khu vực kinh tế tư nhân đóng góp (nếu có số liệu); Các chỉ tiêu khác có liên quan.

II. Việc lãnh đạo, điều hành và kết quả thực hiện phát triển kinh tế tư nhân

1. Công tác lãnh đạo, điều hành phát triển kinh tế tư nhân

2. Tình hình và kết quả thực hiện một số nhiệm vụ theo Nghị quyết số 68-NQ/TW của Bộ Chính trị và các cơ chế, chính sách hỗ trợ và thúc đẩy phát triển kinh tế tư nhân trên địa bàn tỉnh Cà Mau, gợi ý tập trung nhóm nhiệm vụ và số liệu minh chứng cụ thể

a) Việc thực hiện đẩy mạnh cải cách, hoàn thiện, nâng cao chất lượng thể chế, chính sách

Kết quả xây dựng và triển khai kế hoạch rà soát các văn bản quy phạm pháp luật trong phạm vi ngành, lĩnh vực, địa bàn quản lý để xử lý theo thẩm quyền hoặc báo cáo cấp có thẩm quyền điều chỉnh, bổ sung, hoàn thiện hệ thống quản lý nhà nước đối với kinh tế tư nhân, nhằm loại bỏ những điều kiện kinh doanh không cần thiết, quy định chồng chéo, không còn phù hợp cản trở sự phát triển của doanh nghiệp, hộ kinh doanh bảo đảm môi trường kinh doanh thông thoáng, minh bạch, rõ ràng, nhất quán, ổn định lâu dài, dễ tuân thủ, chi phí thấp; Minh bạch hoá, số hoá, thông minh hoá, tự động hoá, áp dụng triệt để trí tuệ nhân tạo và dữ liệu lớn trong thực hiện các quy trình, thủ tục hành chính, nhất là về gia nhập thị trường, đất đai, quy hoạch, đầu tư, xây dựng, thuế, hải quan, bảo hiểm, sở hữu trí tuệ, tiêu chuẩn, quy chuẩn,...

Việc triển khai và kết quả thực hiện các cơ chế, chính sách hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa; kế hoạch phát triển kinh tế tư nhân và việc bố trí đủ nguồn lực từ ngân sách địa phương cho các chương trình, chính sách hỗ trợ doanh nghiệp;

Việc bãi bỏ lệ phí môn bài; miễn thuế thu nhập doanh nghiệp cho doanh nghiệp nhỏ và vừa trong 3 năm đầu thành lập và các chính sách khác về hỗ trợ thuế cho doanh nghiệp;

Kết quả xử lý dứt điểm các dự án, hợp đồng tồn đọng kéo dài nhiều năm, gây thất thoát, lãng phí nguồn lực xã hội;

Đánh giá năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI), Cải cách hành chính, HÀi lòng của người dân, tổ chức, HIệu quả quản trị và hành chính công (PAPI); công tác đối thoại, đồng hành cùng doanh nghiệp và mức độ hài lòng của doanh nghiệp đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước.

Việc xử lý các hành vi lạm dụng kiểm tra để nhũng nhiễu, gây khó khăn cho doanh nghiệp, hộ kinh doanh (số liệu nếu có).

b) Về cơ hội tiếp cận đất đai, mặt bằng sản xuất kinh doanh cho kinh tế tư nhân và đa dạng hóa nguồn vốn cho kinh tế tư nhân

Tiến độ xây dựng Cơ sở dữ liệu quốc gia về đất đai và kết nối với Trung tâm Dữ liệu quốc gia và các cơ sở dữ liệu có liên quan.

Kết quả thực hiện ứng dụng chuyển đổi số để cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình trong thực hiện các thủ tục hành chính về đất đai, giảm tối thiểu 30% thời gian giải quyết thủ tục thuê đất, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho người dân, doanh nghiệp.

Xây dựng, công khai quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất của tỉnh; việc phối hợp hỗ trợ doanh nghiệp trong công tác giải phóng mặt bằng.

Về bố trí quỹ đất đầu tư kết cấu hạ tầng khu công nghiệp, cụm công nghiệp, vườn ươm công nghệ để cho các doanh nghiệp công nghệ cao, doanh nghiệp nhỏ và vừa, doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo thuê.

Về phương án xử lý đối với nhà, đất là tài sản công chưa sử dụng hoặc không sử dụng tại địa phương để cho doanh nghiệp nhỏ và vừa, doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ, doanh nghiệp đổi mới sáng tạo thuê phục vụ sản xuất, kinh doanh.

Về ban hành danh mục tài sản công cho thuê và quy định về tiêu chí, mức hỗ trợ, hình thức hỗ trợ, trình tự, thủ tục cho thuê đối với từng loại tài sản và thực hiện công bố công khai trên trang thông tin điện tử của địa phương và của ngành, hoàn thành trong năm 2025 - 2026.

Về bố trí ngân sách địa phương để hỗ trợ một phần chi phí đầu tư xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng khu công nghiệp, cụm công nghiệp, vườn ươm công nghệ; nghiên cứu, tham mưu ban hành quy định về nguyên tắc, tiêu chí, định mức hỗ trợ đầu tư và xác định diện tích đất đã đầu tư hạ tầng của khu công nghiệp, cụm công nghiệp, vườn ươm công nghệ dành cho doanh nghiệp công nghệ cao thuộc khu vực kinh tế tư nhân, doanh nghiệp nhỏ và vừa, doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo thuê, thuê lại.

Về ban hành quyết định về mức giảm tiền thuê lại đất cho doanh nghiệp công nghệ cao thuộc khu vực kinh tế tư nhân, doanh nghiệp nhỏ và vừa, doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo trong các khu công nghiệp, cụm công nghiệp, vườn ươm công nghệ.

Việc rà soát các dự án vướng thủ tục, chậm tiến độ trên phạm vi toàn tỉnh, báo cáo cấp có thẩm quyền phương án xử lý để khẩn trương đưa vào khai thác nguồn lực đất đai bị lãng phí, đất công, trụ sở cơ quan không sử dụng, đất trong các vụ việc tranh chấp, vụ án kéo dài.

Việc thực hiện hỗ trợ chủ đầu tư kinh doanh hạ tầng khu công nghiệp, cụm công nghiệp, vườn ươm công nghệ, trên cơ sở yêu cầu, các chủ đầu tư dành một phần quỹ đất đã đầu tư cho các doanh nghiệp công nghệ cao, doanh nghiệp nhỏ và vừa, doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo thuê. Căn cứ vào tình hình thực tế và quy định liên quan, xác định quỹ đất đối với từng khu công nghiệp, cụm công nghiệp bảo đảm bình quân tối thiểu 20 ha cho mỗi khu, cụm công nghiệp hoặc 5% tổng quỹ đất đã đầu tư kết cấu hạ tầng dành cho các doanh nghiệp nêu trên. Xây dựng chính sách giảm tối thiểu 30% tiền thuê lại đất cho các đối tượng này trong vòng 5 năm đầu kể từ ngày ký hợp đồng thuê đất.

c) Thúc đẩy khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trong kinh tế tư nhân

Triển khai chính sách hỗ trợ chi phí để doanh nghiệp đầu tư mua sắm máy móc, đổi mới công nghệ, chi phí thực hiện chuyển đổi số, chuyển đổi xanh, kinh doanh bền vững, tuần hoàn thông qua cơ chế khấu trừ thuế thu nhập doanh nghiệp hoặc qua các quỹ.

Triển khai chính sách miễn, giảm thuế thu nhập doanh nghiệp cho các doanh

ng nghiệp khởi nghiệp sáng tạo, tổ chức trung gian hỗ trợ khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo kể từ thời điểm phát sinh thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp; miễn, giảm thuế thu nhập cá nhân, thuế thu nhập doanh nghiệp khác theo quy định.

Việc nghiên cứu ban hành quy định doanh nghiệp được trích tối đa 20% thu nhập tính thuế thu nhập doanh nghiệp để lập quỹ phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và nghiên cứu phát triển; doanh nghiệp được sử dụng quỹ để tự triển khai hoặc đặt hàng nghiên cứu phát triển bên ngoài theo cơ chế khoán sản phẩm.

d) Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ, siêu nhỏ và hộ kinh doanh

Rà soát, điều chỉnh, bổ sung, hoàn thiện pháp lý về kinh doanh cá thể; Việc thực hiện số hoá, minh bạch hoá, đơn giản hoá, dễ tuân thủ, dễ thực hiện đối với chế độ kế toán, thuế, bảo hiểm... để khuyến khích chuyển đổi hộ kinh doanh sang hoạt động theo mô hình doanh nghiệp. Việc triển khai quy định bãi bỏ hình thức thuế khoán đối với hộ kinh doanh

Việc triển khai, cung cấp miễn phí các nền tảng số, phần mềm kế toán dùng chung, dịch vụ tư vấn pháp lý, đào tạo về quản trị doanh nghiệp, kế toán, thuế, nhân sự, pháp luật cho doanh nghiệp nhỏ, siêu nhỏ, hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh.

Việc tham gia thực hiện hiệu quả Chiến lược tài chính toàn diện quốc gia, thúc đẩy khả năng tiếp cận và sử dụng các sản phẩm tài chính cho các doanh nghiệp nhỏ, siêu nhỏ, hộ kinh doanh, ưu tiên chủ doanh nghiệp, hộ kinh doanh là thanh niên, phụ nữ, nhóm yếu thế, đồng bào dân tộc thiểu số và các mô hình kinh doanh bao trùm, tạo tác động xã hội.

3. Việc thực hiện và hoàn thiện cơ chế, chính sách hỗ trợ và thúc đẩy phát triển kinh tế tư nhân

Kết quả thực hiện các nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh liên quan đến cơ chế, chính sách hỗ trợ và thúc đẩy phát triển kinh tế tư nhân trên địa bàn tỉnh Cà Mau¹.

¹. Bao gồm: Nghị quyết số 06/2020/NQ-HĐND ngày 10/7/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bạc Liêu phê duyệt chính sách hỗ trợ liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Bạc Liêu thay thế bởi Nghị quyết số 17/2026/NQ-HĐND ngày 14/5/2026 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cà Mau quy định chính sách hỗ trợ liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Cà Mau; Nghị quyết số 15/2021/NQ-HĐND ngày 09/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bạc Liêu quy định nội dung và mức chi hoạt động hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn tỉnh Bạc Liêu thay thế bởi Nghị quyết 26/2026/NQ-HĐND ngày 14/5/2026 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cà Mau quy định mức chi cho hoạt động hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn tỉnh Cà Mau; Nghị quyết số 03/2024/NQ-HĐND ngày 12/6/2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bạc Liêu quy định một số chính sách hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, hàng hóa trên địa bàn tỉnh Bạc Liêu giai đoạn 2024 - 2030 và Nghị quyết số 15/2021/NQ-HĐND ngày 04/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cà Mau quy định về nội dung và mức chi để thực hiện Chương trình hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, hàng hóa giai đoạn 2021 - 2030 trên địa bàn tỉnh thay thế bởi Nghị quyết số 20/2026/NQ-HĐND ngày 14/5/2026 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cà Mau quy định nội dung và mức chi ngân sách nhà nước để thực hiện Chương trình hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, hàng hóa giai đoạn 2021 - 2030 trên địa bàn tỉnh; Nghị quyết số 04/2022/NQ-HĐND ngày 13/7/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cà Mau quy định mức hỗ trợ đăng ký bảo hộ đối với sáng chế, kiểu dáng công nghiệp, nhãn hiệu, công nhận giống cây trồng mới trên địa bàn tỉnh Cà Mau đến năm 2030 được thay thế bởi Nghị quyết số 21/2026/NQ-HĐND ngày 14/5/2026 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cà Mau quy định mức chi hỗ trợ đăng ký bảo hộ đối với sáng chế, kiểu dáng

- Kết quả cụ thể chính sách đã thực hiện theo các nghị quyết Hội đồng nhân dân hiện hành, kèm số liệu.

- Nêu những nội dung chính sách chưa khả thi, chưa thực hiện.

- Việc chuẩn bị các điều kiện, nguồn lực cần thiết để đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện các dự án có sử dụng đất theo các các nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh². Tình hình doanh nghiệp, nhà đầu tư tiếp cận chính sách, thực hiện dự án.

III. ĐÁNH GIÁ CHUNG

Đánh giá những kết quả đạt được; làm rõ những tồn tại, hạn chế, bất cập trong quá trình triển khai thực hiện; xác định nguyên nhân khách quan, chủ quan và trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan; đánh giá những khó khăn, vướng mắc của doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh trong việc tiếp cận và thụ hưởng các cơ chế, chính sách hỗ trợ.

IV. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP TRONG THỜI GIAN TỚI

V. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

Đề xuất, kiến nghị giải pháp hoàn thiện cơ chế, chính sách; nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước; cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh; nâng cao hiệu quả tổ chức thực hiện các chính sách hỗ trợ và thúc đẩy phát triển kinh tế tư nhân trên địa bàn tỉnh trong thời gian tới.

* **Ghi chú:** Ngoài các nội dung theo đề cương yêu cầu nêu trên, Ủy ban nhân dân tỉnh có thể bổ sung thêm một số nội dung có liên quan để phân tích, làm rõ thêm nội dung báo cáo.

B. ĐỐI VỚI CÁC SỞ, NGÀNH CẤP TỈNH VÀ ỦY BAN NHÂN DÂN CÁC XÃ, PHƯỜNG

Căn cứ vào các nội dung yêu cầu báo cáo tại mục A (đối với Ủy ban nhân dân tỉnh), các địa phương (Ủy ban nhân dân các xã, phường), các sở, ban, ngành ***cần chỉ chức năng, nhiệm vụ được giao***, báo cáo tình hình thực hiện các cơ chế, chính sách hỗ trợ và thúc đẩy phát triển kinh tế tư nhân thuộc phạm vi quản lý của cơ quan, đơn vị ***giai đoạn từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/6/2026***: Nêu rõ phần việc, nhiệm vụ đã thực hiện (có số liệu); những việc, nhiệm vụ chưa thực hiện (nêu rõ nguyên nhân, đề xuất giải pháp).

công nghiệp và nhân hiệu; đăng ký bảo hộ, công nhận giống cây trồng mới trên địa bàn tỉnh Cà Mau đến năm 2030; Nghị quyết số 03/2025/NQ-HĐND ngày 31/3/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bạc Liêu về việc hỗ trợ lãi suất vay vốn tại các tổ chức tín dụng đối với các dự án đầu tư phương tiện xe buýt, đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng phục vụ vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt; hỗ trợ cho người sử dụng dịch vụ vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt thông qua chính sách miễn, giảm giá vé trên địa bàn tỉnh Bạc Liêu; Nghị quyết 24/2019/NQ-HĐND ngày 06/12/2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cà Mau về ban hành chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn tỉnh Cà Mau.

². Bao gồm: Nghị quyết số 31/NQ-HĐND ngày 13/11/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cà Mau về danh mục các khu đất thực hiện đấu thầu dự án đầu tư có sử dụng đất trên địa bàn tỉnh Cà Mau; Nghị quyết số 28/NQ-HĐND ngày 30/6/2026 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cà Mau sửa đổi, bổ sung Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị quyết số 31/NQ-HĐND ngày 13/11/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh về danh mục các khu đất thực hiện đấu thầu dự án đầu tư có sử dụng đất trên địa bàn tỉnh Cà Mau.

*** Lưu ý:**

- Đối với các sở, ban, ngành cấp tỉnh: Tập trung báo cáo kết quả tham mưu, tổ chức thực hiện các cơ chế, chính sách thuộc chức năng, nhiệm vụ được giao; làm rõ kết quả, số liệu, nguồn lực thực hiện, những nội dung chưa thực hiện hoặc còn hạn chế, nguyên nhân, trách nhiệm và giải pháp; đồng thời đánh giá khó khăn của doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh trong tiếp cận, thụ hưởng chính sách.

- Đối với Ủy ban nhân dân các xã, phường: Tập trung báo cáo việc tổ chức thực hiện và mức độ tiếp cận, thụ hưởng các cơ chế, chính sách của doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh trên địa bàn; chú trọng thủ tục hành chính, đất đai, vốn, khoa học công nghệ, chuyển đổi số, đào tạo, xúc tiến thương mại và hỗ trợ hộ kinh doanh chuyển đổi thành doanh nghiệp; nêu rõ khó khăn, vướng mắc, kiến nghị và những nội dung cần phối hợp, hỗ trợ từ cấp tỉnh.

- Ngoài các nội dung theo đề cương yêu cầu nêu trên, các cơ quan, đơn vị có thể bổ sung thêm một số nội dung có liên quan để phân tích, làm rõ thêm nội dung báo cáo.

C. MỘT SỐ DOANH NGHIỆP, HỢP TÁC XÃ, HỘ KINH DOANH

I. THÔNG TIN CHUNG VỀ ĐƠN VỊ

Tên doanh nghiệp/hợp tác xã/hộ kinh doanh; địa chỉ trụ sở; ngành, nghề kinh doanh chính.

Loại hình tổ chức (doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh); quy mô (siêu nhỏ, nhỏ, vừa, lớn); năm bắt đầu hoạt động.

Lĩnh vực hoạt động chủ yếu (ví dụ: chế biến thủy sản, nuôi trồng thủy sản, thương mại - dịch vụ, nông nghiệp, tiểu thủ công nghiệp...).

Số lượng lao động hiện có; tổng vốn đầu tư/vốn điều lệ.

II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT, KINH DOANH GIAI ĐOẠN 2023 - 2026

Đề nghị cung cấp khái quát tình hình hoạt động sản xuất, kinh doanh của đơn vị qua từng năm trong giai đoạn 2023 - 2026, trong đó nêu rõ:

- Doanh thu, sản lượng hoặc giá trị sản xuất qua từng năm (nếu có thể cung cấp).

- Số lao động sử dụng qua từng năm; biến động tăng, giảm lao động và nguyên nhân.

- Những thuận lợi, khó khăn chủ yếu trong hoạt động sản xuất, kinh doanh (thị trường tiêu thụ, nguyên liệu đầu vào, chi phí sản xuất, cạnh tranh,...).

- Kế hoạch, định hướng phát triển của đơn vị trong thời gian tới (mở rộng sản xuất, đầu tư công nghệ, mở rộng thị trường...).

III. TÌNH HÌNH TIẾP CẬN VÀ THỤ HƯỞNG CÁC CƠ CHẾ, CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ

Đề nghị cho biết đơn vị đã tiếp cận, thụ hưởng các cơ chế, chính sách hỗ trợ

nào trong giai đoạn 2023 - 2026; đối với mỗi chính sách đã tiếp cận, đề nghị nêu rõ tên chính sách, cơ quan hỗ trợ, kết quả thụ hưởng, mức độ hài lòng và khó khăn (nếu có).

1. Thủ tục hành chính, cải cách hành chính

- Việc thực hiện các thủ tục hành chính liên quan đến đăng ký kinh doanh, đầu tư, đất đai, xây dựng, thuế, môi trường... tại các cơ quan nhà nước: thời gian giải quyết thực tế so với quy định; hình thức nộp hồ sơ (trực tiếp, trực tuyến, dịch vụ bưu chính công ích).

- Đánh giá về thái độ phục vụ, tinh thần trách nhiệm của cán bộ, công chức trong giải quyết thủ tục hành chính cho đơn vị.

- Những khó khăn, phiền hà (nếu có) trong quá trình thực hiện thủ tục hành chính.

2. Tiếp cận đất đai, mặt bằng sản xuất

- Tình hình sử dụng đất, mặt bằng sản xuất hiện tại; việc tiếp cận đất đai, thuê mặt bằng tại các khu, cụm công nghiệp (nếu có).

- Những khó khăn, vướng mắc trong tiếp cận đất đai, mặt bằng sản xuất kinh doanh.

3. Tiếp cận vốn tín dụng và các nguồn lực tài chính

- Khả năng tiếp cận vốn vay ngân hàng, quỹ bảo lãnh tín dụng, các nguồn vốn hỗ trợ khác; lãi suất, thời hạn vay, tài sản bảo đảm.

- Việc thụ hưởng các chính sách hỗ trợ lãi suất, cơ cấu lại thời hạn trả nợ (nếu có).

- Những khó khăn trong tiếp cận vốn (thủ tục, tài sản thế chấp, lãi suất...).

4. Hỗ trợ khoa học, công nghệ, chuyển đổi số

- Việc tiếp cận các chương trình hỗ trợ đổi mới công nghệ, ứng dụng khoa học kỹ thuật vào sản xuất.

- Việc ứng dụng chuyển đổi số trong quản trị, bán hàng, thanh toán (hóa đơn điện tử, thương mại điện tử, mạng xã hội...).

- Nhu cầu hỗ trợ thêm về công nghệ, chuyển đổi số trong thời gian tới.

5. Hỗ trợ đào tạo nguồn nhân lực

- Việc tham gia các lớp tập huấn, đào tạo về quản trị doanh nghiệp, kỹ năng số, tay nghề cho người lao động do các cơ quan, đơn vị tổ chức.

- Đánh giá chất lượng, hiệu quả của các chương trình đào tạo đã tham gia.

6. Xúc tiến thương mại, mở rộng thị trường, hội nhập kinh tế

- Việc tham gia các hội chợ, triển lãm, chương trình kết nối cung - cầu, xúc tiến thương mại do tỉnh hoặc các đơn vị tổ chức.

- Việc tiếp cận thông tin, hỗ trợ liên quan đến xuất khẩu, tận dụng các Hiệp định thương mại tự do (FTA), nếu có hoạt động xuất khẩu.

- Việc xây dựng thương hiệu, nhãn hiệu, tham gia chương trình OCOP (nếu có).

7. Đối thoại, phản ánh kiến nghị với chính quyền

- Việc tham gia các hội nghị đối thoại giữa chính quyền với doanh nghiệp; số lần và nội dung đã phản ánh, kiến nghị (nếu có).
- Kết quả xử lý, phản hồi của cơ quan nhà nước đối với các kiến nghị, phản ánh của đơn vị; mức độ hài lòng về kết quả xử lý.

8. Đối với hợp tác xã

Mức độ liên kết với doanh nghiệp trong chuỗi giá trị; khả năng tiếp cận vốn tín dụng, quỹ hỗ trợ dành cho khu vực kinh tế tập thể; khó khăn về quản trị, thu hút thành viên, tuân thủ Luật Hợp tác xã.

9. Đối với hộ kinh doanh chưa chuyển đổi thành doanh nghiệp

Đề nghị nêu rõ lý do (thuế, chế độ kế toán, thủ tục phát sinh hoặc lý do khác).

IV. ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Những chính sách, chương trình hỗ trợ mà đơn vị đánh giá là thiết thực, hiệu quả nhất đối với hoạt động sản xuất, kinh doanh của mình.
2. Những khó khăn, vướng mắc lớn nhất mà đơn vị đang gặp phải, không phân biệt có liên quan đến chính sách hỗ trợ hay không.
3. Mức độ hài lòng chung của đơn vị đối với sự đồng hành, hỗ trợ của chính quyền các cấp trong giai đoạn 2023 - 2026.

V. ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN TRONG THỜI GIAN TỚI (của doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh)

VI. KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT

- Kiến nghị cụ thể về việc sửa đổi, bổ sung hoặc ban hành mới cơ chế, chính sách hỗ trợ phù hợp hơn với nhu cầu thực tế của đơn vị.
- Đề xuất cải thiện thủ tục hành chính, cách thức tổ chức thực hiện chính sách để doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh dễ tiếp cận hơn.
- Các kiến nghị, đề xuất khác (nếu có).

* **Lưu ý:** Đây là đề cương thu thập thông tin từ góc độ người thụ hưởng chính sách. Đơn vị cung cấp thông tin trung thực, cụ thể theo thực tế hoạt động của mình; những nội dung không phát sinh hoặc không áp dụng thì ghi rõ “không có” hoặc “không áp dụng”.

ĐOÀN GIÁM SÁT